TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **232**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/5/2023
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoa Kiều;

2. Ông Nguyễn Văn Vẹn;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thanh Phong, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Huỳnh Thanh Tân – Kiểm sát viên;

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/02/2023 về việc tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXXST-HN ngày 23/3/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/4/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: **Nguyễn Phi A**, sinh năm 1978 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang;

2. *Bị đơn*: **Nguyễn Thị Như B**, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn anh Nguyễn Phi A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Như B cưới nhau vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nhiều mâu thuẫn, cãi vả thường xuyên, hiện không còn hạnh phúc, không có tiếng nói chung. Anh và chị B đã ly thân với nhau từ tháng 01/2022 đến nay, nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin được ly hôn với chị B.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Phi C, sinh ngày 29/6/2003 và Nguyễn Minh D, sinh ngày 13/5/2013. Hiện 02 con chung đang sống với vợ chồng. Khi ly hôn anh yêu cầu tiếp tục nuôi con chung là cháu D, không yêu cầu chị B cấp dưỡng;

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung;

Bị đơn chị Nguyễn Thị Như B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo qui định pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và không có gửi văn bản ghi ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của anh A đối với chị B.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân thủ pháp luật về thẩm quyền giải quyết, về quan hệ tranh chấp, về thu thập chứng cứ đúng theo qui định pháp luật tố tụng; Về thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi hồ sơ; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng quy định.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của họ theo quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt không lý do, không thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh A, lý do anh A xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, sống không có hạnh phúc. Chị B đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến, chứng tỏ chị B không có thiện chí hàn gắn nên đề nghị Tòa án cho anh A ly hôn; Về con chung: giao cháu D cho anh A tiếp tục nuôi, do cháu đang sống chung với anh A cần giữ ổn định cho cháu về nơi ở. Anh A không có yêu cầu chị B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử xét thấy.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: anh Nguyễn Phi A và chị Nguyễn Thị Như B qua tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào ngày 25/7/2013 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn anh A có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do bận việc. Bị đơn chị B đã được triệu tập hợp lệ xét xử, nhưng vắng mặt nên Hội đồng

xét xử căn cứ khoản Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh A, chị Như.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của anh A; Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên nhân anh A xin ly hôn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nhiều mâu thuẫn, vợ chồng cãi vả thường xuyên, không có tiếng nói chung, hiện sống không có hạnh phúc, đã sống ly thân với nhau từ tháng 01/2022 đến nay. Hiện tại anh A không còn tình cảm với chị B, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh A xin được ly hôn với chị B để ổn định cuộc sống là có căn cứ. Phía chị B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị B vẫn vắng mặt và không đến Tòa án và cũng không có gửi văn bản ghi ý kiến hay phản đối gì về yêu cầu khởi kiện của anh A, điều đó cho thấy chị B không có thiện chí để hàn gắn tình cảm với anh A nên cần xem xét cho anh A ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Phi C, sinh ngày 29/6/2003 và Nguyễn Minh D, sinh ngày 13/5/2013. Khi ly hôn, anh A yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung chưa thành niên là cháu D, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu C đã trưởng thành anh không có yêu cầu gì. Chị B không có ý kiến phản đối gì nên cần giữ ổn định cho cháu D về nơi ở, ổn định về mặt tâm lý, vì hiện cháu đang sống chung với anh A và ý kiến cháu D muốn sống chung với anh A nên cần giữ ổn định cho cháu, nên giao cho anh A tiếp tục nuôi cháu D là phù hợp. Anh A không có yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét. Chị B có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định.

[**8**] Về quyền kháng cáo: Anh A và chị B có quyền kháng cáo bản bản theo qui định pháp luật.

[9] Xét ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án có căn cứ phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Phi A đối với chị Nguyễn Thị Như B.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Phi A được ly hôn với chị Nguyễn Thị Như B;

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh D, sinh ngày 13/5/2013 cho anh A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; A không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị B có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở việc thăm nom.

1.3. Về tài sản chung: Không có;

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Phi A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0025564 ngày 17/01/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Gạo nên xem như nộp xong án phí.

3. Quyền kháng cáo: Anh A và chị B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mỹ Lil

***** Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG (thay báo cáo);
- VKSND huyện Chợ Gạo (để giám sát);
- CCTHADS huyện CG (để thi hành);
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ